

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập Quyết định số 105/2004/QĐ-BCN do Bộ Công Thương ban hành ngày 5 tháng 10 năm 2004.

Giấy chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0100101308 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là lần thứ 15 vào ngày 26 tháng 5 năm 2022. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
	Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Chủ tịch
	Ông Thân Đức Việt	Thành viên
	Ông Bạch Thăng Long	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Thân Đức Việt	Tổng Giám đốc
	Ông Bạch Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ánh Dương	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Bích Hồng	Giám đốc điều hành
	Ông Hoàng Thế Nhu	Giám đốc điều hành
	Ông Hà Mạnh	Giám đốc điều hành
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Giám đốc điều hành	

Trụ sở đăng ký Số 765, Đường Nguyễn Văn Linh
Phường Sài Đồng
Quận Long Biên, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, **28-08-2023**



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 28-08-2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-02-00271-23-2



Trương Vinh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội,

28-08-2023

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2019-007-1

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.755.825.954.283	1.734.181.012.983
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	126.225.439.034	285.029.490.479
Tiền	111		122.368.544.554	278.929.490.479
Các khoản tương đương tiền	112		3.856.894.480	6.100.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		254.085.000.000	102.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10	254.085.000.000	102.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		505.304.356.812	450.095.995.216
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	477.832.718.148	407.353.287.298
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.897.857.204	4.624.311.946
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	20.573.781.460	38.118.395.972
Hàng tồn kho	140	13	815.061.351.654	822.906.087.850
Hàng tồn kho	141		821.637.690.983	829.482.427.179
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.576.339.329)	(6.576.339.329)
Tài sản ngắn hạn khác	150		55.149.806.783	74.149.439.438
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.569.695.346	5.454.481.791
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		50.580.111.437	68.462.143.737
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	-	232.813.910

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		543.221.229.429	562.577.434.183
Các khoản phải thu dài hạn	210		27.296.881.966	8.268.834.652
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	27.296.881.966	8.268.834.652
Tài sản cố định	220		471.178.664.357	501.817.069.589
Tài sản cố định hữu hình	221	14	468.636.335.656	497.600.363.536
Nguyên giá	222		1.696.254.003.388	1.681.626.581.142
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.227.617.667.732)	(1.184.026.217.606)
Tài sản cố định vô hình	227	15	2.542.328.701	4.216.706.053
Nguyên giá	228		14.644.763.483	14.644.763.483
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.102.434.782)	(10.428.057.430)
Tài sản dở dang dài hạn	240		911.223.157	581.252.126
Xây dựng cơ bản dở dang	242		911.223.157	581.252.126
Tài sản dài hạn khác	260		43.834.459.949	51.910.277.816
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	43.834.459.949	51.910.277.816
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.299.047.183.712	2.296.758.447.166

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.842.765.489.193	1.806.561.827.507
Nợ ngắn hạn	310		1.652.075.546.331	1.609.990.612.816
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	664.196.214.656	601.822.024.126
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		40.645.890.996	31.415.592.980
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	22.960.329.559	14.611.070.101
Phải trả người lao động	314		298.984.852.410	367.021.927.495
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.324.203.734	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	9.734.900.756	5.875.491.544
Vay ngắn hạn	320	20(a)	541.020.269.859	538.602.682.309
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	73.208.884.361	50.641.824.261
Nợ dài hạn	330		190.689.942.862	196.571.214.691
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		11.421.320.250	18.326.300.636
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	12.171.915.000	12.121.011.000
Vay dài hạn	338	20(b)	161.178.521.513	159.612.882.057
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		5.918.186.099	6.511.020.998
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		456.281.694.519	490.196.619.659
Vốn chủ sở hữu	410	22	456.281.694.519	490.196.619.659
Vốn cổ phần	411	23	302.400.000.000	302.400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		302.400.000.000	302.400.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(2.440.000)	(2.440.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	105.097.319.147	56.037.285.643
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48.084.455.842	131.059.414.486
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.569.755.082	7.210.212.489
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		45.514.700.760	123.849.201.997
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		702.359.530	702.359.530
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.299.047.183.712	2.296.758.447.166

Người lập:

Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

28-08-2023

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	1.896.619.990.982	2.082.020.691.897
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	35.357.975	241.753.561
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	1.896.584.633.007	2.081.778.938.336
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	1.685.645.399.098	1.863.384.172.432
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		210.939.233.909	218.394.765.904
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	50.283.814.229	30.713.273.663
Chi phí tài chính	22	30	41.247.599.013	28.597.457.457
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		15.940.525.873	6.040.604.931
Chi phí bán hàng	25	31	72.089.356.334	68.854.706.155
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	93.358.158.033	91.128.645.134
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		54.527.934.758	60.527.230.821
Thu nhập khác	31		556.884.847	1.770.201.728
Chi phí khác	32		489.695.821	940.043.955
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		67.189.026	830.157.773
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		54.595.123.784	61.357.388.594
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	9.080.423.024	11.186.495.099
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		45.514.700.760	50.170.893.495
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		45.514.700.760	50.170.893.495
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.280	1.457

Người lập:

Nguyễn Thị Thu Hà
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Bích Hồng
 Kế toán trưởng



Thân Đức Việt
 Tổng Giám đốc

28-08-2023

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		54.595.123.784	61.357.388.594
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		48.995.080.345	39.730.481.792
Các khoản dự phòng	03		-	(5.034.335.758)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.728.311.436	11.582.021.450
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(11.898.728.244)	(1.144.294.410)
Chi phí lãi vay	06		15.940.525.873	6.040.604.931
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		109.360.313.194	112.531.866.599
Biến động các khoản phải thu	09		(50.313.808.798)	(183.318.754.923)
Biến động hàng tồn kho	10		7.844.736.196	(145.195.379.741)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		57.842.541.722	15.307.772.657
Biến động chi phí trả trước	12		8.960.604.312	(13.499.227.098)
			133.694.386.626	(214.173.722.506)
Tiền lãi vay đã trả	14		(16.458.446.724)	(6.080.285.874)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.935.810.308)	(11.156.676.751)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.431.005.000)	(4.476.467.441)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		101.869.124.594	(235.887.152.572)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(64.029.069.158)	(73.804.086.830)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		102.794.363	-
Tiền chi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	23		(274.085.000.000)	(50.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		122.000.000.000	65.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		7.399.104.908	892.014.829
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(208.612.169.887)	(57.912.072.001)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		552.131.404.741	1.023.407.277.842
Tiền trả nợ gốc vay	34		(552.108.079.561)	(712.366.639.544)
Tiền trả cổ tức	36		(52.565.359.140)	(30.251.219.712)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(52.542.033.960)	280.789.418.586
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(159.285.079.253)	(13.009.805.987)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		285.029.490.479	38.116.860.811
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		481.027.808	171.458.883
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9	126.225.439.034	25.278.513.707

Người lập:

Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởngThân Đức Việt
Tổng Giám đốc**28-08-2023***Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- sản xuất quần áo và các phụ liệu của ngành may mặc;
- kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- kinh doanh bất động sản, văn phòng và nhà cho công nhân thuê;
- đào tạo nghề;
- cung cấp chương trình giáo dục mầm non và chăm sóc nuôi dạy trẻ;
- xuất nhập khẩu trực tiếp;
- sản xuất và kinh doanh các loại nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu và hóa chất cho ngành may mặc;
- kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng thuộc lĩnh vực siêu thị; và
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty có 2 công ty con (1/1/2023: 2 công ty con).

Tên công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế	
			30/6/2023	1/1/2023
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thời trang May 10	Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc	100%	100%
Công ty TNHH May Phù Đổng (*)	Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc	60,97%	60,97%

(*) Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH May Phù Đổng đã họp và thống nhất chuẩn bị các hồ sơ thủ tục để giải thể công ty này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, công ty này đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có 7.347 nhân viên (1/1/2023: 7.290 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán sáu tháng của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 - 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm
▪ thiết bị quản lý	1,5 - 5 năm

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 24 tháng.

(ii) Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng

Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí thuê trả trước

Chi phí thuê trả trước được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các cửa hàng, được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng từ 14 tháng đến 36 tháng.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty hoặc công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần giá phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động trong một bộ phận phân chia theo hoạt động kinh doanh duy nhất đó là sản xuất, gia công và kinh doanh các mặt hàng dệt may. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty và các công ty con được lập theo vùng địa lý dựa trên vị trí của khách hàng do địa điểm sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường trong kỳ.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Trong kỳ, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã quyết định thành lập một đơn vị trực thuộc mới là Xí nghiệp May Hà Tĩnh. Ngoài ra, Tổng Công ty và các công ty con không có thay đổi đáng kể nào khác trong cơ cấu trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.



Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tổng Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Châu Á
- Châu Âu
- Châu Mỹ
- Việt Nam
- Các vùng khác

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

	Châu Á (không bao gồm Việt Nam) VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	126.701.986.402	373.100.240.149	1.181.701.136.040	184.760.290.554	30.320.979.862	1.896.584.633.007
Kết quả kinh doanh của bộ phận	12.995.754.073	31.659.894.301	128.915.399.802	34.316.773.358	3.051.412.375	210.939.233.909
Thu nhập không phân bổ						50.283.814.229
Chi phí không phân bổ						(206.695.113.380)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh						54.527.934.758
Thu nhập khác						556.884.847
Chi phí khác						(489.695.821)
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(9.080.423.024)
Lợi nhuận thuần sau thuế						45.514.700.760

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

	Châu Á (không bao gồm Việt Nam) VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	189.092.687.002	481.320.485.276	1.242.846.426.605	142.818.432.017	25.700.907.436	2.081.778.938.336
Kết quả kinh doanh của bộ phận	18.638.118.214	30.876.213.535	140.212.391.294	34.693.143.954	(6.025.101.093)	218.394.765.904
Thu nhập không phân bổ						30.713.273.663
Chi phí không phân bổ						(188.580.808.746)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh						60.527.230.821
Thu nhập khác						1.770.201.728
Chi phí khác						(940.043.955)
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(11.186.495.099)
Lợi nhuận thuần sau thuế						50.170.893.495

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30/6/2023	Châu Á (không bao gồm Việt Nam) VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	22.414.650.319	81.368.540.830	330.785.869.893	33.003.615.210	10.260.041.896	477.832.718.148 1.821.214.465.564
Tổng tài sản						<hr/> 2.299.047.183.712 <hr/>
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	10.264.803.879	10.345.730.932	8.109.376.689	22.130.948.727	1.216.351.019	52.067.211.246 1.790.698.277.947
Tổng nợ phải trả						<hr/> 1.842.765.489.193 <hr/>
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Chi tiêu vốn						64.029.069.158
Khấu hao tài sản cố định hữu hình						47.913.537.892
Khấu hao tài sản cố định vô hình						1.674.377.352

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 1/1/2023	Châu Á (không bao gồm Việt Nam) VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	14.356.580.167	50.780.218.896	296.533.959.486	42.016.365.272	3.666.163.477	407.353.287.298 1.889.405.159.868
Tổng tài sản						<hr/> 2.296.758.447.166 <hr/>
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	3.799.674.335	1.482.977.767	37.978.224.962	3.665.352.772	2.815.663.780	49.741.893.616 1.756.819.933.891
Tổng nợ phải trả						<hr/> 1.806.561.827.507 <hr/>
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Chi tiêu vốn						73.804.086.830
Khấu hao tài sản cố định hữu hình						39.338.263.676
Khấu hao tài sản cố định vô hình						693.054.882



Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	3.808.447.041	1.318.626.616
Tiền gửi ngân hàng	118.560.097.513	277.610.863.863
Các khoản tương đương tiền (*)	3.856.894.480	6.100.000.000
	<hr/>	<hr/>
	126.225.439.034	285.029.490.479
	<hr/>	<hr/>

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 3,1% đến 4,55% (1/1/2023: từ 3% đến 6%) một năm.

10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 9,4% đến 11,75% (1/1/2023: từ 6,5% đến 7,8%) một năm. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định theo giá gốc do bản chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này.

11. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Lever Style Limited (trước đây là Lever Shirt Limited)	78.002.024.867	118.181.497.770
Direct Source (Far East) Limited	77.386.075.508	47.272.380.687
Asmara International Limited	53.196.226.093	24.528.265.626
Pacificways Limited	47.044.619.418	37.158.106.345
Li & Fung	42.354.351.305	50.628.920.513
Các khách hàng khác	179.849.420.957	129.584.116.357
	<hr/>	<hr/>
	477.832.718.148	407.353.287.298
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	-	2.506.739.058
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Phải thu của Công ty TNHH H.N.P từ tiền khách hàng ứng trước (*)	-	16.237.528.835
Phải thu của Công ty TNHH Thiệu Đô từ tiền khách hàng ứng trước (**)	9.035.287.650	13.078.782.475
Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất (***)	351.836.641	3.633.634.000
Tạm ứng cho nhân viên	1.600.838.750	97.117.000
Lãi tiền gửi phải thu	6.983.717.231	2.510.443.836
Phải thu ngắn hạn khác	2.602.101.188	2.560.889.826
	<hr/>	<hr/>
	20.573.781.460	38.118.395.972
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Đặt cọc dài hạn	4.346.852.412	4.175.851.950
Phải thu của Công ty TNHH H.N.P từ tiền khách hàng ứng trước (*)	19.019.309.638	2.781.780.803
Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất (***)	1.917.345.588	-
Phải thu dài hạn khác	2.013.374.328	1.311.201.899
	<hr/>	<hr/>
	27.296.881.966	8.268.834.652
	<hr/>	<hr/>

(*) Theo thỏa thuận, một số khách hàng nước ngoài ứng trước tiền gia công cho Công ty TNHH H.N.P thông qua Tổng Công ty để thực hiện dự án đầu tư thiết bị sản xuất các đơn hàng cho khách hàng nước ngoài đó tại Công ty TNHH H.N.P. Số tiền ứng trước cho Công ty TNHH H.N.P được trừ dần vào phí gia công sản phẩm sản xuất tại Công ty TNHH H.N.P.

(**) Theo thỏa thuận, một số khách hàng nước ngoài ứng trước tiền gia công cho Công ty TNHH Thiệu Đô thông qua Tổng Công ty để thực hiện dự án đầu tư thiết bị sản xuất các đơn hàng cho khách hàng nước ngoài đó tại Công ty TNHH Thiệu Đô. Số tiền ứng trước cho Công ty TNHH Thiệu Đô được trừ dần vào phí gia công sản phẩm sản xuất tại Công ty TNHH Thiệu Đô.

(***) Đây là khoản bồi thường giải phóng mặt bằng trả thay cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thanh Hóa liên quan đến Dự án mở rộng Xí Nghiệp May Bim Sơn, sẽ được bù trừ với tiền thuê đất trong tương lai.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Hàng tồn kho**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	48.158.366.965	-	60.633.171.672	-
Nguyên vật liệu	415.402.663.015	-	391.954.310.380	-
Công cụ và dụng cụ	578.394.858	-	177.855.785	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	92.129.352.964	-	110.198.132.523	-
Thành phẩm	225.554.384.070	(6.431.569.379)	211.069.080.568	(6.431.569.379)
Hàng hóa	18.751.879.989	(144.769.950)	17.804.029.554	(144.769.950)
Hàng gửi đi bán	21.062.649.122	-	37.645.846.697	-
	821.637.690.983	(6.576.339.329)	829.482.427.179	(6.576.339.329)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 12.280 triệu VND hàng tồn kho (1/1/2023: 12.280 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	520.343.921.347	915.140.349.342	55.581.271.548	190.561.038.905	1.681.626.581.142
Tăng trong kỳ	449.372.697	16.466.181.151	1.572.222.222	538.178.364	19.025.954.434
Thanh lý	-	(3.876.041.560)	-	(522.490.628)	(4.398.532.188)
Số dư cuối kỳ	520.793.294.044	927.730.488.933	57.153.493.770	190.576.726.641	1.696.254.003.388
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	251.059.435.694	781.721.997.769	39.598.319.172	111.646.464.971	1.184.026.217.606
Khấu hao trong kỳ	11.428.245.669	25.799.720.372	1.934.288.349	8.751.283.502	47.913.537.892
Thanh lý	-	(3.799.597.138)	-	(522.490.628)	(4.322.087.766)
Số dư cuối kỳ	262.487.681.363	803.722.121.003	41.532.607.521	119.875.257.845	1.227.617.667.732
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	269.284.485.653	133.418.351.573	15.982.952.376	78.914.573.934	497.600.363.536
Số dư cuối kỳ	258.305.612.681	124.008.367.930	15.620.886.249	70.701.468.796	468.636.335.656

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 970.892 triệu VND (1/1/2023: 911.634 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 243.969 triệu VND (1/1/2023: 280.551 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 20(b)).

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	12.256.765.835	2.387.997.648	14.644.763.483
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	8.040.059.782	2.387.997.648	10.428.057.430
Khấu hao trong kỳ	1.674.377.352	-	1.674.377.352
Số dư cuối kỳ	9.714.437.134	2.387.997.648	12.102.434.782
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	4.216.706.053	-	4.216.706.053
Số dư cuối kỳ	2.542.328.701	-	2.542.328.701

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 5.645 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 5.645 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chi phí thuê trả trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	15.990.268.743	2.785.913.412	-	33.134.095.661	51.910.277.816
Tăng trong kỳ	1.499.634.551	-	163.636.364	2.933.461.584	4.596.732.499
Phân bổ trong kỳ	(4.573.429.381)	(57.049.422)	(27.272.730)	(8.014.798.833)	(12.672.550.366)
Số dư cuối kỳ	12.916.473.913	2.728.863.990	136.363.634	28.052.758.412	43.834.459.949

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Topsun Garment Limited	268.400.226.328	187.488.925.702
Oktava Co., Ltd	34.902.780.726	37.773.537.080
Oemec Garment Mfg., Co Ltd	29.676.405.664	39.353.887.765
Các nhà cung cấp khác	331.216.801.938	337.205.673.579
	<hr/>	<hr/>
	664.196.214.656	601.822.024.126
	<hr/>	<hr/>

18. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.115.820.368	16.307.946.801	(9.519.556.837)	7.904.210.332
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.881.596.734	9.080.423.024	(12.935.810.308)	9.026.209.450
Thuế thu nhập cá nhân	274.302.102	3.685.959.237	(3.848.397.704)	111.863.635
Thuế nhà thầu	272.651.144	237.027.964	(487.287.014)	22.392.094
Thuế xuất nhập khẩu	66.699.753	685.215.562	(461.258.814)	290.656.501
Thuế đất	(232.813.910)	6.361.121.540	(523.310.083)	5.604.997.547
Các loại thuế khác	-	75.443.909	(75.443.909)	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	14.378.256.191	36.433.138.037	(27.851.064.669)	22.960.329.559
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải thu	(232.813.910)			-
Thuế phải nộp	14.611.070.101			22.960.329.559
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	4.754.668.632	2.108.831.934
Cổ tức phải trả	2.309.497.753	443.296.093
Lãi vay phải trả	-	517.920.851
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.670.734.371	2.805.442.666
	<hr/>	<hr/>
	9.734.900.756	5.875.491.544
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Đặt cọc dài hạn	2.152.500.000	2.101.596.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	19.415.000	19.415.000
	<hr/>	<hr/>
	12.171.915.000	12.121.011.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2023		Biến động trong kỳ		30/6/2023
	Giá trị ghi sổ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	472.318.650.959	516.189.608.961	(510.625.740.763)	3.139.901.826	481.022.420.983
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20(b))	66.284.031.350	35.196.156.324	(41.482.338.798)	-	59.997.848.876
	538.602.682.309	551.385.765.285	(552.108.079.561)	3.139.901.826	541.020.269.859

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ các khoản vay này khi đến hạn.

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Khoản vay ngân hàng 1	USD	449.598.294.619	369.335.066.681
Khoản vay ngân hàng 2	USD	31.424.126.364	102.983.584.278
		481.022.420.983	472.318.650.959

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Khoản vay ngân hàng 3	VND	2022 - 2028	178.833.103.345	172.386.319.623
Khoản vay ngân hàng 4	VND	2022 - 2024	39.448.267.044	39.042.426.868
Khoản vay ngân hàng 5	USD	2022 - 2023	-	12.393.166.916
Vay cá nhân	VND	2022 - 2025	2.895.000.000	2.075.000.000
			221.176.370.389	225.896.913.407
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(59.997.848.876)	(66.284.031.350)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			161.178.521.513	159.612.882.057

Các khoản vay ngân hàng có lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định (Thuyết minh 14).

Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng vay cụ thể.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty và Ban lãnh đạo của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	50.641.824.261	37.999.322.655
Trích lập trong kỳ	24.998.065.100	19.011.289.652
Sử dụng trong kỳ	(2.431.005.000)	(4.070.403.503)
Số dư cuối kỳ	73.208.884.361	52.940.208.804

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	302.400.000.000	(2.440.000)	33.055.319.147	79.443.224.637	702.359.530	415.598.463.314
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	50.170.893.495	-	50.170.893.495
Phân bổ vào các quỹ	-	-	22.981.966.496	(22.981.966.496)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(19.011.289.652)	-	(19.011.289.652)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(30.239.756.000)	-	(30.239.756.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	302.400.000.000	(2.440.000)	56.037.285.643	57.381.105.984	702.359.530	416.518.311.157
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	302.400.000.000	(2.440.000)	56.037.285.643	131.059.414.486	702.359.530	490.196.619.659
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	45.514.700.760	-	45.514.700.760
Phân bổ vào các quỹ	-	-	49.536.000.000	(49.536.000.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(24.998.065.100)	-	(24.998.065.100)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(54.431.560.800)	-	(54.431.560.800)
Biến động khác	-	-	(475.966.496)	475.966.496	-	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	302.400.000.000	(2.440.000)	105.097.319.147	48.084.455.842	702.359.530	456.281.694.519

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.240.000	302.400.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	30.240.000	302.400.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(244)	(2.440.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	30.239.756	302.397.560.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	30/6/2023 và 1/1/2023		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	10.227.398	102.273.980.000	33,82%
Các cổ đông khác	20.012.358	200.123.580.000	66,17%
	30.239.756	302.397.560.000	99,99%

24. Cổ tức

Ngày 15 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2022 với số tiền là 54.432 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 30.240 triệu VND).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Trong kỳ, Tổng Công ty và các công ty con đã trích lập 49.536 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 22.982 triệu VND) từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2022 vào quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	Đơn vị	30/6/2023	1/1/2023
Vải nhận gia công	Mét	1.235.232	5.847.327
Dụng nhận gia công	Mét	532.030	2.435.629
Vật tư, hàng hóa khác nhận gia công	Mét	127.071	373.698
		1.894.333	8.656.654
		1.894.333	8.656.654

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	4.480.113	104.875.231.550	11.126.982	260.477.944.685
Euro (“EUR”)	4.352	109.586.754	4.447	109.925.216
		104.984.818.304		260.587.869.901
		104.984.818.304		260.587.869.901

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	51.840.009.150	57.515.892.500
	51.840.009.150	57.515.892.500

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	8.190.926.235	8.190.926.235
Trong vòng hai đến năm năm	32.587.588.991	32.624.026.774
Sau năm năm	67.400.277.368	71.459.302.703
	<hr/>	<hr/>
	108.178.792.594	112.274.255.712
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.713.372.614.317	1.874.725.131.939
▪ Cung cấp dịch vụ	14.225.138.817	10.190.168.529
▪ Gia công	169.022.237.848	197.105.391.429
	<hr/>	<hr/>
	1.896.619.990.982	2.082.020.691.897
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(35.357.975)	(241.753.561)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.896.584.633.007	2.081.778.938.336
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2023
	VND	VND
Hàng hóa và thành phẩm đã bán	1.523.205.419.716	1.689.278.104.367
Dịch vụ đã cung ứng	1.766.897.164	1.114.362.676
Dịch vụ gia công	160.673.082.218	180.518.014.461
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(7.526.309.072)
	<hr/>	<hr/>
	1.685.645.399.098	1.863.384.172.432

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	11.872.378.303	1.384.465.855
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	38.411.435.926	28.471.949.150
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	856.858.658
	<hr/>	<hr/>
	50.283.814.229	30.713.273.663

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	15.940.525.873	6.040.604.931
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.896.815.734	10.393.619.022
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.728.311.436	11.582.021.450
Chi phí tài chính khác	1.681.945.970	581.212.054
	<hr/>	<hr/>
	41.247.599.013	28.597.457.457

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	17.750.010.706	16.132.386.657
Chi phí quảng cáo	2.908.055.338	1.732.927.772
Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu	10.368.727.740	11.876.938.164
Chi phí xuất khẩu	14.489.338.985	15.252.845.976
Chi phí thuê cửa hàng	6.388.898.453	7.358.340.152
Chi phí bán hàng khác	20.184.325.112	16.501.267.434
	<hr/>	<hr/>
	72.089.356.334	68.854.706.155
	<hr/>	<hr/>

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	57.844.667.131	57.852.672.862
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.622.052.111	9.515.664.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.210.121.819	15.664.894.625
Chi phí dự phòng	-	2.532.008.211
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.681.316.972	5.563.404.780
	<hr/>	<hr/>
	93.358.158.033	91.128.645.134
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	906.068.478.789	1.005.379.101.313
Chi phí nhân viên	470.818.545.292	477.084.674.240
Chi phí khấu hao và phân bổ	48.995.080.345	39.730.481.792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	335.444.153.691	431.893.013.769
Chi phí khác	33.173.221.607	34.438.333.583
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	54.595.123.784	61.357.388.594
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.919.024.757	12.271.477.719
Chi phí không được khấu trừ thuế	134.397.132	58.184.827
Giảm thuế (*)	(1.862.840.450)	(1.273.733.100)
Biến động khác	(110.158.415)	130.565.653
	9.080.423.024	11.186.495.099

(*) Tổng Công ty được hưởng ưu đãi giảm số thuế thu nhập tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

(b) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 30.239.756 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 30.239.756 cổ phiếu).

Chi tiết của lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)	45.514.700.760	50.170.893.495
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(6.800.000.000)	(6.120.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	38.714.700.760	44.050.893.495
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	30.239.756	30.239.756
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.280	1.457

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty ước tính số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 sẽ được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 6.800.000.000 VND dựa trên kết quả kinh doanh dự kiến cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Chia cổ tức	18.409.316.400	10.227.398.000
Bán hàng hóa	2.658.506.748	140.855.266
Mua dịch vụ	-	132.000.000
Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Thù lao và thưởng	650.000.000	610.000.000
Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	990.012.210	911.178.845
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	4.236.877.840	4.099.113.370
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao và thưởng	307.893.890	267.379.745

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chuyển khoản phải trả nhân viên thành khoản vay	820.000.000	743.000.000

Tổng Công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ (i) các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh có liên quan; và (ii) số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh có liên quan.

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

28-08-2023